

MẤY VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ PHÁP ĐIỂN HOÁ

GS.TS. LÊ MINH TÂM*

Trong những thập kỉ gần đây, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của kinh tế, chính trị, văn hoá xã hội, trong đời sống quốc gia cũng như quốc tế, vai trò của pháp luật ngày càng được đề cao, phạm vi điều chỉnh của pháp luật ngày càng mở rộng, số lượng các văn bản quy phạm pháp luật ngày càng gia tăng nhanh chóng và một yêu cầu khách quan được đặt ra là phải có những mô hình xây dựng, thực hiện và kiểm soát pháp luật một cách hợp lí và hiệu quả. Một trong những chủ điểm được quan tâm nhiều trong các hướng tìm kiếm ở nhiều nước, trong đó có Việt Nam là pháp điển hoá. Tuy nhiên, cần quan niệm về pháp điển hoá như thế nào và việc áp dụng pháp điển hoá cần phải thực hiện ra sao cho hợp lí, hiệu quả thì vẫn là câu chuyện có tính thời sự và hiện chưa có lời giải đáp thật sự thuyết phục.

1. Phân biệt pháp điển, pháp điển hoá và hệ thống hoá pháp luật

“Pháp điển” là một từ Việt cũ, một danh từ dùng để chỉ một bộ luật,⁽¹⁾ tương tự như chữ “Code” trong tiếng Anh và chữ “Кодекс” trong tiếng Nga. Bộ luật khác với các văn bản pháp luật khác về quy mô, tính toàn diện, tính hệ thống, tính ổn định và giá trị pháp lí cao của nó. Vì vậy, việc có được những bộ pháp điển lớn, hoàn chỉnh để có thể sử dụng lâu dài, ổn định là mong muốn của nhiều người, nhiều quốc gia. Thực tế

lịch sử nhà nước và pháp luật đã cho thấy, ngay từ thời cổ đại, một số quốc gia trên thế giới đã xây dựng được những bộ luật lớn mà cho đến ngày nay vẫn được coi là di sản của văn hoá pháp lí và văn minh của nhân loại. Xu hướng xây dựng các pháp điển tiếp tục phát triển khá mạnh mẽ trong thời trung cổ và Việt Nam cũng không phải là một ngoại lệ. Theo sử sách ghi chép lại thì ngay từ thế kỉ XIII vào triều đại nhà Trần đã có Hoàng triều đại điển và Hình thư, triều Lí có bộ Hình thư (năm 1402), nhà Lê có Quốc triều hình luật (còn gọi là Bộ luật Hồng Đức) được ban hành dưới thời Lê Thánh Tông vào thế kỉ XV, nhà Nguyễn có Hoàng Việt luật lệ (còn gọi là Bộ luật Gia Long) được ban hành dưới thời vua Gia Long vào thế kỷ XIX... Những nghiên cứu về lịch sử hình thành các văn bản pháp luật này cho thấy, việc biên soạn đã được tiến hành rất công phu, theo những quy trình, quy tắc nhất định, cách lựa chọn, sắp xếp, bố cục các điều luật theo chương, mục chặt chẽ, thể hiện rõ tính chất của một pháp điển, bộ luật.

Đến thời kì tư bản chủ nghĩa, việc xây dựng các văn bản pháp luật dưới dạng bộ luật đã trở nên phổ biến và trở thành một xu thế, nhất là trong các nước có truyền thống luật viết. Nước Pháp và Napoleon đã hết sức tự

* Trường Đại học Luật Hà Nội

hào về Bộ luật dân sự năm 1804 và mô hình pháp điển hoá của Pháp, nước Đức và nhiều quốc gia châu Âu khác cũng ra sức tìm kiếm mô hình và giải pháp để xây dựng những bộ luật của mình. Xu hướng này có ảnh hưởng lan rộng tới một số quốc gia khác ở châu Á và thậm chí tới cả các quốc gia có truyền thống Common Law như Mỹ và Anh. Ở Việt Nam, trong thời kì pháp thuộc cũng chịu ảnh hưởng của xu hướng này. Lúc đầu là du nhập luật của Pháp, sau đó đã xây dựng được một số bộ luật mà ở mức độ nhiều hay ít đều có sự ảnh hưởng của kĩ thuật pháp điển hoá của Pháp.

Như vậy, pháp điển cần được hiểu là bộ luật, hàm chứa trong đó hệ thống quy phạm pháp luật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành để điều chỉnh các quan hệ cụ thể. Xét về quy mô, tính chất, phạm vi và đối tượng điều của từng bộ luật cũng có sự khác nhau: Có những bộ luật lớn, quan trọng, có phạm vi và đối tượng tác động rộng lớn nhưng cũng có những bộ luật có quy mô vừa và nhỏ, có phạm vi và đối tượng tác động hạn chế hơn. Có những bộ luật chung và cũng có những bộ luật chuyên ngành (chuyên biệt)...

Thuật ngữ “pháp điển hoá” trong tiếng Việt,⁽²⁾ “Codification” trong tiếng Anh và “Кодификация” trong tiếng Nga dùng để thể hiện một khái niệm về một loại hình hoạt động xây dựng và hoàn thiện pháp luật có những đặc thù riêng về phương pháp, nguyên tắc, trình tự, thủ tục và kĩ thuật pháp lí. Nói một cách ngắn gọn nhất thì pháp điển hoá là quá trình làm ra các bộ luật. Tuy nhiên, nếu xem xét kĩ hơn thì khái niệm pháp điển hoá có nội dung phong phú, trong đó có những điểm cơ bản sau đây:

Thứ nhất, xét từ góc độ hệ thống hoá pháp luật, pháp điển hoá là hình thức cao nhất của hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật. Pháp điển hoá khác với tập hợp hoá (một hình thức thấp hơn của hệ thống hoá pháp luật) ở chỗ: Nếu như tập hợp hoá là việc sắp xếp các văn bản quy phạm pháp luật hoặc các quy phạm pháp luật riêng biệt thành một hệ thống, theo một trình tự nhất định nhằm tạo điều kiện thuận tiện cho việc tra cứu và áp dụng pháp luật mà kết quả của nó không làm thay đổi nội dung văn bản hay điều luật, không bổ sung những quy định mới mà chỉ loại bỏ những quy phạm đã hết hiệu lực hoặc rõ ràng là mâu thuẫn với quy định, văn bản quy phạm pháp luật có giá trị pháp lí cao hơn thì pháp điển hoá là một hoạt động có tính sáng tạo được tiến hành theo những trình tự luật định, không những để loại bỏ những văn bản, quy phạm pháp luật lỗi thời mà còn xây dựng, bổ sung những quy phạm mới. Kết quả của quá trình pháp điển hoá thường là một văn bản pháp luật mới ra đời hoặc có giá trị pháp lí cao hơn, có phạm vi điều chỉnh rộng hơn, bao quát hơn, có kĩ thuật pháp lí hoàn chỉnh hơn hoặc đáp ứng tất cả các yêu cầu đó.

Thứ hai, xét từ góc độ thẩm quyền, hoạt động pháp điển hoá do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của pháp luật.

Thứ ba, xét từ góc độ quy mô và mức độ điều chỉnh, pháp điển hoá có những loại hình sau:

- Pháp điển hoá tổng thể (toàn bộ hệ thống pháp luật): Là loại hình pháp điển hoá ở cấp độ cao nhất, có quy mô lớn nhất và kết quả của quá trình này là những bộ tổng tập luật lệ được ban hành để điều chỉnh các quan hệ tương ứng với các ngành luật cơ bản của

một hệ thống pháp luật.

- Pháp điển hoá theo lĩnh vực pháp luật (ngành luật): Là loại hình pháp điển hoá được thực hiện trong từng ngành luật nhất định. Tùy theo yêu cầu và mục đích cụ thể được đặt ra, quá trình pháp điển hoá sẽ được tiến hành ở những quy mô và mức độ thích hợp và kết quả của nó là những bộ luật được ban hành để điều chỉnh các quan hệ của từng lĩnh vực tương ứng.

- Pháp điển hoá chuyên biệt (chuyên ngành): Là cấp độ thấp hơn so với hai loại hình trên và kết quả của nó là các bộ luật chuyên ngành được ban hành với hệ thống các chế định, nguyên tắc, quy phạm pháp luật có tính chuyên ngành cao. Các nguyên tắc, quy phạm pháp luật trong một bộ luật chuyên ngành có thể điều chỉnh các quan hệ thuộc một số ngành luật có liên quan.

“Hệ thống hoá”⁽³⁾ nói chung là phương pháp, quy trình, quy tắc sắp xếp, bố trí các bộ phận, yếu tố có mối liên hệ mật thiết với nhau trong một hệ thống theo một trình tự logic, khách quan và khoa học. Hệ thống hoá được biểu hiện ở hai mức độ, hai hình thức khác nhau. Ở hình thức thấp, hệ thống hoá là sự tập hợp các yếu tố hợp thành hệ thống, chủ yếu căn cứ vào hình thức biểu hiện bên ngoài của các yếu tố, bộ phận đó. Ở hình thức cao hơn, hệ thống hoá là sự sắp xếp các yếu tố, bộ phận thành một hệ thống dựa trên sự phân tích, đánh giá các biểu hiện bên trong của các yếu tố (bộ phận, quy phạm), tính chất và các mối quan hệ nội tại giữa chúng.

Theo đó, hệ thống hoá pháp luật cũng có hai phương thức cơ bản là hệ thống hoá theo hình thức và hệ thống hoá theo nội dung.

Pháp luật được đưa vào hệ thống là pháp luật thực định, không phải là pháp luật nói chung hiểu theo nghĩa rộng và trừu tượng. Hệ thống hoá pháp luật theo hình thức của pháp luật có thể được gọi là tập hợp hoá pháp luật, còn hệ thống hoá pháp luật theo nội dung có thể được xem là pháp điển hoá (theo nghĩa rộng).

Từ những phân tích trên về pháp điển, pháp điển hoá thì mục tiêu cần đạt được của pháp điển hoá là để ban hành ra các bộ luật trên cơ sở rà soát, chọn lọc và kế thừa các nguyên tắc, quy phạm, văn bản pháp luật có giá trị đã có đồng thời sửa đổi, bổ sung, phát triển và ban hành mới các nguyên tắc, quy phạm pháp luật mới cần phải có. Vì vậy, những hoạt động hệ thống hoá pháp luật không nhằm tới mục đích đó thì không nằm trong phạm trù pháp điển hoá hoặc chỉ có thể được coi là những hoạt động phục vụ cho pháp điển hoá.

2. Những yếu tố tiền đề và điều kiện cần thiết của pháp điển hoá

Pháp điển hoá là một quá trình hoạt động phức tạp, bao gồm nhiều giai đoạn, quá trình, hoạt động và phải tuân thủ những quy trình, nguyên tắc, quy tắc chặt chẽ. Để pháp điển hoá cần phải dựa trên những tiền đề và phải có những đủ những điều kiện cần thiết.

a) Những tiền đề cơ bản của pháp điển hoá bao gồm:

- Chính sách pháp luật: Đó là những quan điểm, đường lối, chủ trương, chính sách, định hướng xây dựng và phát triển pháp luật (gọi chung là chính sách pháp luật). Đây là tiền đề quan trọng để bảo đảm cho quá trình pháp điển hoá được tiến hành thuận lợi, tiết kiệm và hiệu quả. Thiếu những

chính sách pháp luật rõ ràng và đúng đắn thì pháp điển hoá sẽ gặp khó khăn, vướng mắc, quá trình pháp điển hoá sẽ kéo dài, chậm chạp, chất lượng và giá trị của các bộ luật được làm ra có thể sẽ thấp và không đáp ứng yêu cầu đặt ra. Thực tiễn xây dựng pháp luật ở nước ta đã cho thấy có những dự án văn bản quy phạm pháp luật được soạn thảo đi, soạn thảo lại nhiều lần rồi cuối cùng lại phải bàn về những vấn đề có tính quan điểm, chính sách mới giải quyết được. Hệ thống chính sách pháp luật cũng được biểu hiện ở những cấp độ khác nhau. Có những chính sách pháp luật chung, bao quát, ổn định và có tính chiến lược đồng thời cũng có những chính sách pháp luật cụ thể, giới hạn và linh hoạt. Tùy thuộc vào loại hình, mục tiêu và nhiệm vụ cụ thể của pháp điển hoá, yêu cầu về nội dung và mức độ hoàn thiện của các chính sách pháp luật cũng khác nhau. Tuy nhiên, để pháp điển hoá đạt hiệu quả thì cần phải có chiến lược xây dựng và hoàn thiện pháp luật thể hiện một cách toàn diện, sâu sắc, đầy đủ, đồng bộ và ổn định các chính sách pháp luật chung, bao quát cho một thời gian tương đối dài đồng thời cũng phải kịp thời có những chính sách pháp luật cụ thể và linh hoạt, kịp thời định hướng và làm nền tảng cho pháp điển hoá.

- Triết lý pháp luật: Đó là những quan điểm, tri thức, phương pháp luận khoa học về pháp luật hàm chứa những triết lý sâu sắc về những vấn đề căn bản của pháp luật như bản chất, mục đích, nguyên tắc, tinh thần, những giá trị xã hội của pháp luật, những mối quan hệ và sự tương tác giữa pháp luật đạo đức, luân lý, dân chủ, tự do, công bằng,

bình đẳng, tiến bộ, giữa pháp luật với chính trị, kinh tế, văn hóa, tôn giáo, phong tục, tập quán... Bên cạnh những triết lý pháp luật được thừa nhận là giá trị phổ biến của nhân loại, để xây dựng và hoàn thiện pháp luật thì mỗi quốc gia dân tộc cũng cần phải có những triết lý riêng của mình. Sự kết hợp hài hoà giữa tính truyền thống, tính dân tộc và tính hiện đại là yêu cầu tất yếu của pháp điển hoá.

- Các nguồn luật: Đó là tổng thể các nguồn pháp luật hiện hành của một quốc gia và các nguồn pháp luật quốc tế có liên quan. Các nguồn pháp luật rất phong phú, bao gồm các bộ luật, đạo luật, các văn bản văn bản quy phạm pháp luật khác do các cơ quan lập pháp, hành pháp, tư pháp ban hành, các án lệ, điển lệ, các phong tục tập quán, các điều ước, tập quán quốc tế, học lý... Thực tiễn đã cho thấy trong quá trình xây dựng và hoàn thiện pháp luật quốc gia hay pháp luật quốc tế, tất cả các nguồn đó đều có sự tác động, ảnh hưởng ở những mức độ khác nhau và đều cần phải tính đến. Vấn đề đặt ra là quan điểm dung hợp, khai thác và sử dụng như thế nào cho hợp lý. Đây là một trong những vấn đề khó và phức tạp đặt ra cho pháp điển hoá.

- Phương pháp, kinh nghiệm và kỹ thuật pháp lý: Đó là những cách thức tổ chức lao động khoa học, những kinh nghiệm, bài học, giải pháp kỹ thuật pháp lý có hiệu quả được đúc kết từ thực tiễn xây dựng và thực thi pháp luật của quốc gia và quốc tế, của những tổ chức và cá nhân. Việc tổng kết, đánh giá thường xuyên để rút kinh nghiệm, việc tổ chức trao đổi, phổ biến và áp dụng các phương pháp, kinh nghiệm và giải pháp kỹ thuật pháp lý hữu ích cũng là hoạt động

không thể thiếu của quá trình pháp điển hoá.

b) Những điều kiện cơ bản để pháp điển hoá được tiến hành thuận lợi và hiệu quả bao gồm:

- Điều kiện về tổ chức: Pháp điển hoá là hoạt động do cơ quan có thẩm quyền thực hiện, vì vậy cần phải có một bộ máy chuyên trách có đủ năng lực để thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao. Bộ máy đó phải có địa vị pháp lí tương xứng, được phân định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm rõ ràng; các mối quan hệ giữa cơ quan pháp điển hoá với các cơ quan hữu quan phải được xác lập trên cơ sở luật định. Đồng thời, pháp điển hoá là một quá trình hoạt động phức tạp, phải giải quyết nhiều vấn đề có liên quan đến nhiều lĩnh vực khác nhau, vì vậy bên cạnh bộ máy pháp điển hoá hoạt động thường xuyên cũng cần có các thiết chế mềm được tổ chức và hoạt động bằng phương pháp chuyên gia để hỗ trợ cho cơ quan pháp điển hoá.

- Điều kiện về cơ sở pháp lí: Tính minh bạch, công khai của pháp điển hoá đòi hỏi phải có đủ hệ thống pháp luật để điều chỉnh các vấn đề của pháp điển hoá như: Các quy định về tổ chức bộ máy và nhân sự, các quy định về quy trình, thủ tục, nguyên tắc, quy tắc của quá trình pháp điển hoá...

- Điều kiện về tài chính: Pháp điển hoá là một hoạt động tốn kém, nhất là nếu pháp điển hoá được triển khai thực hiện ở cấp độ cao, quy mô rộng với mục tiêu xây dựng các bộ tổng tập luật lệ và các bộ luật lớn. Vì vậy, tài chính cho công tác pháp điển hoá là điều kiện có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, cần phải tính đến từ khi xây dựng chương trình, kế hoạch, triển khai các hoạt động cho đến khi có kết quả cuối cùng là ban hành các đạo luật.

- Điều kiện về nhân lực: Đội ngũ chuyên gia làm việc trong cơ quan pháp điển hoá phải là những chuyên gia có đủ các tiêu chuẩn về phẩm chất chính trị và đạo đức, trình độ, năng lực và kinh nghiệm để hoàn thành nhiệm vụ được giao. Đồng thời, pháp điển hoá là một quá trình hoạt động phức tạp, phải giải quyết nhiều vấn đề, nhiều mối quan hệ, phải cần đến trí tuệ, kiến thức và kinh nghiệm của nhiều chuyên gia thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau, vì vậy cần phải có cơ chế để thu hút những chuyên gia giỏi thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau vào quá trình pháp điển hoá.

- Các điều kiện khác như hệ thống thông tin tư liệu, phương tiện kĩ thuật và công nghệ hiện đại... cũng là điều kiện quan trọng không thể thiếu đối với công tác pháp điển hoá.

3. Những khó khăn, thách thức của pháp điển hoá

Nếu xét trên bình diện lí tưởng và mục đích thì pháp điển hoá là phương pháp mang lại nhiều giá trị thiết thực. Nhưng nếu xét theo quan điểm thực tế và thực dụng thì pháp điển hoá cũng có rất nhiều thách thức, khó khăn và mâu thuẫn cần phải đối mặt, vượt qua và giải quyết để bảo đảm tính khả thi và hiệu quả thiết thực của nó. Có thể nêu ra mấy vấn đề cần quan tâm sau đây:

- Sự thay đổi đang diễn ra trên nhiều lĩnh vực với tốc độ nhanh và không đồng đều đòi hỏi pháp luật cũng phải có sự phản ánh kịp thời và những thay đổi tương ứng, trong khi đó, pháp điển hoá với những quy trình chặt chẽ và không kém phần phức tạp nhằm tạo ra những bộ luật có chất lượng và có tính ổn định cao sẽ gặp phải những khó khăn rất lớn để có thể đáp ứng được yêu cầu này.

- Sự xâm nhập lẫn nhau của các nhu cầu,

các mối quan hệ có tính loại và nhóm theo cách phân loại truyền thống đang đòi hỏi phải có những nhận thức mới và phải áp dụng các phương pháp xây dựng và điều chỉnh pháp luật theo hướng mềm dẻo, linh hoạt hơn, trong khi đó pháp điển hoá cần đến sự ổn định của những cấu trúc để làm cơ sở cho việc xây dựng và hoàn thiện pháp luật.

- Sự kết hợp giữa tính truyền thống và tính hiện đại, giữa tính quốc gia và tính quốc tế của pháp luật trong xã hội hiện đại là một đòi hỏi khách quan nhưng đồng thời là thách thức lớn đối với pháp điển hoá. Các phương pháp tiếp nhận, dung hợp và cải biến dường như mới chỉ mang lại những kết quả ban đầu còn rất hạn chế và trong không ít trường hợp còn làm phát sinh những mâu thuẫn mới mà không dễ gì có thể giải quyết được trong một thời gian tương đối ngắn. Những giải pháp quá độ, tạm thời chấp nhận sự tồn tại ở mức độ nhất định những mâu thuẫn đó cũng là khó khăn không nhỏ cho pháp điển hoá.

- Sự không rõ ràng về thẩm quyền và sự lạm quyền của các cơ quan có thẩm quyền ban hành pháp luật, dẫn tới sự gia tăng không ngừng của các văn bản pháp luật và kéo theo nó là những chồng chéo, trùng lặp và mâu thuẫn của hệ thống pháp luật nói chung và của những nhóm hay các quy phạm nói riêng của hệ thống đó. Tình trạng này diễn ra phổ biến ở nhiều nước, trong đó có Việt Nam mà để giải quyết nó thì phải có những phương án tổng thể và kiên quyết với nhiều vấn đề lớn, trong đó có nhiều vấn đề nằm ngoài khuôn khổ của pháp điển hoá.

- Sự hạn chế về năng lực của các cơ quan có thẩm quyền và của đội ngũ cán bộ thực hiện xây dựng, hoàn thiện pháp luật trước

yêu cầu ngày càng tăng đối với việc sửa đổi bổ sung và ban hành mới pháp luật cũng sẽ dẫn đến tâm lí và quan điểm muốn tìm những giải pháp có tính tình thế, tạm thời để đáp ứng nhu cầu trước mắt, còn pháp điển hoá là lí tưởng của tương lai.

- Những hạn chế về tài chính và các điều kiện khác cũng là những khó khăn cho pháp điển hoá.

4. Những giới hạn và điểm dừng cần thiết của pháp điển hoá

Việc xác định giới hạn và điểm dừng cần thiết của pháp điển hoá là vấn đề có tính thời sự của hầu hết các quốc gia trên thế giới. Trước đây, đã có những quốc gia triển khai công tác pháp điển hoá với quyết tâm, nỗ lực và sự đầu tư rất lớn nhằm xây dựng những bộ tổng tập luật lệ hoàn chỉnh và đồng bộ nhưng kết quả đạt được không mấy khả quan và phải dừng lại giữa chừng để điều chỉnh lại chương trình kế hoạch với cách làm gọn hơn, khả thi hơn. Một số giải pháp đã được tìm ra để dung hoà, đó là lựa chọn điểm trọng tâm ở cấp độ thứ hai và thứ ba để tiến hành pháp điển hoá, trên cơ sở có tính đến sự phong phú, đa dạng của các phương pháp và chấp nhận sự tồn tại của những mâu thuẫn nhất định trong hệ thống pháp luật.

Một số phương pháp được đề xuất và áp dụng cho quá trình này, trong đó có các phương pháp đáng chú ý là: a) Tập trung xây dựng một số bộ luật lớn trên một số lĩnh vực như luật hình sự, luật dân sự, luật thương mại và đầu tư... Áp dụng các phương pháp linh hoạt để xây dựng và cho tồn tại song song nhiều hình thức văn bản pháp luật do nhiều cơ quan có thẩm quyền khác nhau ban

hành đồng thời sử dụng nhiều nguồn pháp luật khác nhau, trong đó có án lệ để khắc phục những khoảng trống của pháp luật; b) Áp dụng phương pháp dùng một luật để sửa nhiều luật. Phương pháp này có nhiều ưu điểm và đáp ứng được nhiều yêu cầu bức xúc đặt ra trong từng thời điểm cụ thể, nhanh chóng khắc phục được những sự chông chéo, trùng lặp và mâu thuẫn trong một bộ phận của các văn bản quy phạm pháp luật, kịp thời sửa đổi, bổ sung một số quy định mới với mức chi phí không cao và tránh được những xung đột quyền lực có thể xảy ra; c) Sửa đổi, bổ sung cục bộ và trực diện vào từng văn bản pháp luật cụ thể. Đây là phương pháp được áp dụng khá phổ biến và mang lại những hiệu quả nhanh chóng và thiết thực; d) Kết hợp giữa pháp điển hoá với tập hợp hoá, lấy rà soát văn bản là căn bản, sử dụng phương pháp phân tích phát hiện mâu thuẫn và phương pháp giải thích pháp luật để bổ sung tạo cơ sở cho chỉnh lý và hướng dẫn áp dụng pháp luật phù hợp với thực tiễn.

Trong hơn 60 năm qua, nhất là trong 20 năm thực hiện đường lối đổi mới và hội nhập, Việt Nam đã đạt được những thành tựu vượt bậc trong lĩnh vực xây dựng và thực thi pháp luật. Bên cạnh đó, việc xây dựng và thực hiện pháp luật cũng còn không ít những yếu kém và bất cập cần phải khắc phục. Lí thuyết về pháp điển hoá và hệ thống hoá ở những mức độ khác nhau cũng đã được áp dụng và thử nghiệm nhưng còn manh mún và hiệu quả chưa cao. Một trong những nguyên nhân của tình hình này là chúng ta chưa có những nghiên cứu căn bản để xây dựng cơ sở lí luận cho pháp điển hoá và có

những giải pháp đồng bộ để áp dụng vào thực tiễn một cách hợp lí.

Trong giai đoạn hiện nay, pháp điển hoá đã có những tiền đề và những điều kiện để có thể tiếp tục nghiên cứu và tiến hành ở mức độ rộng hơn và sâu hơn. Tuy nhiên, cũng không thể chủ quan nóng vội mà phải nghiên cứu để xác định đúng những giới hạn và điểm dừng hợp lí cho quá trình này.

Theo chúng tôi, Việt Nam đang trong quá trình chuyển đổi cho nên chưa có đủ các tiền đề và điều kiện cần thiết cho việc thực hiện pháp điển hoá ở cấp độ cao, vì vậy không thể và không nên xây dựng những bộ tổng tập luật lệ theo hình thức cao nhất của pháp điển hoá mà nên thực hiện phương châm chọn điểm để thực hiện ở giới hạn hợp lí hình thức thứ hai và thứ ba của pháp điển hoá, trên cơ sở kết hợp hài hoà bốn phương pháp được phân tích ở trên./.

(1).Xem: Từ điển tiếng Việt, Viện ngôn ngữ học, Nxb. Đà Nẵng, Hà Nội - Đà Nẵng 1996, tr. 741.

(2). Trong tiếng Việt, chữ “hoá” có nhiều nghĩa và được sử dụng tùy hoàn cảnh, trong đó đáng lưu ý: 1) Hoá là thay đổi thành cái khác do kết quả của một quá trình phát triển; 2) Hoá là yếu tố ghép sau để cấu tạo động từ, có nghĩa là “trở thành hoặc làm cho trở thành, trở nên hoặc làm cho trở nên có một tính chất nào đó” như: Cơ giới hoá, bình thường hoá (Xem: Từ điển tiếng Việt, Viện ngôn ngữ học, Nxb. Đà Nẵng, Hà Nội - Đà Nẵng 1996, tr. 431).

(3). Cũng như pháp điển và pháp điển hoá, “hệ thống” là tập hợp nhiều yếu tố (tư tưởng, nguyên tắc, quy tắc...) cùng loại hoặc cùng chức năng, có quan hệ hoặc liên hệ với nhau chặt chẽ làm thành một hệ thống; là phương pháp, cách thức phân loại; là tính chất có trình tự, có quan hệ logic giữa các yếu tố. Còn “hệ thống hoá” là làm cho trở nên có hệ thống (bằng các phương pháp, trình tự, thủ tục, nguyên tắc, quy tắc...).